

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 29/2023/HSST
Ngày: 05 – 05 – 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH HÀ TĨNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhung
2. Ông Nguyễn Tiến Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh, Thư Ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Điệp, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2023/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/XXHSST – HS, ngày 21/4/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên bị cáo: **Lê Thị N**; giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1973, tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ, đảng phái: Quần chúng; con ông: Lê Văn T1; (Đã chết); con bà: Lê Thị N1; sinh năm 1935; chồng: Lê Văn T2; sinh năm 1972; con: Có 03 con, đứa lớn tuổi nhất sinh năm 1994; đứa nhỏ tuổi nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 13/02/2023 đến nay.

2. Họ và tên bị can: **Lê Văn T2**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1972, tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ, đảng phái: Quần chúng; con ông: Lê Văn M; (Đã chết); con bà: Đặng Thị N3; Sinh năm 1950; Nghề nghiệp: Làm ruộng; vợ: Lê Thị N; sinh năm 1973; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con: Có 03 con, đứa lớn tuổi nhất sinh năm 1994; đứa nhỏ tuổi nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh kể từ ngày 16/02/2023, đến ngày 07/3/2023 được áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh về tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

1. Ông Đặng Đình D – sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn TX1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do(Có mặt)
2. Ông Hoàng Công S – sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn TX1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Lưu – sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn TX1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do(Có mặt)
2. Ông Lê Thanh T3 – sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 09 năm 2021, vợ chồng Lê Văn T2 và Lê Thị N bán cho anh Đặng Đình D, sinh năm 1981, trú tại thôn TX1, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh một vườn cây tràm có diện tích khoảng 0,2ha tại tại thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh với giá 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) và thống nhất với nhau đến tháng 05 năm 2022 anh D phải khai thác, thu hoạch hết cây tràm để trả lại mặt bằng cho gia đình T2. Tuy nhiên đến tháng 10 năm 2022, do đường vào khu vườn tràm của vợ chồng T2 vẫn còn bị ngập nước nên anh D chưa khai thác được, vì vậy vợ chồng Lê Văn T2 và Lê Thị N không muốn bán cho anh D nữa mà trả lại 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tiền anh D mua cây trước đây cùng với tiền lãi của số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) từ tháng 9/2021 cho đến tháng 10/2022. Tối ngày 04/10/2022, Lê Văn T2 và Lê Thị N đến nhà anh Đặng Đình D để thỏa thuận và trả lại tiền bán vườn tràm nhưng anh D không đồng ý mà muốn tiếp tục chờ đường vào vườn tràm hết nước để khai thác nên vợ chồng T2 và N ra về. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, anh Đặng Đình D nhờ anh Hoàng Công S, sinh năm 1988, trú tại thôn TX1, xã T, K, Hà Tĩnh (Em rể của anh D) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38F2 - 1139, chở anh D đến nhà vợ chồng Lê Văn T2 và Lê Thị N, ở thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để thống nhất lại về nội dung mua, bán và khai thác tràm. Khi đến nhà T2, anh S dựng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 ngoài sân nhà rồi cùng với anh D đi vào trong nhà gặp vợ chồng T2 để nói chuyện. Quá trình nói chuyện với nhau hai bên không thống nhất được nên đã xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến anh D đập mạnh điện thoại xuống bàn, to tiếng, chửi bậy nên Lê Thanh T3, sinh năm 1995, trú tại thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Con trai của T2) dùng ghế nhựa đánh về phía anh D thì anh S dùng tay đỡ làm chiếc ghế bị gãy. Sau đó anh S cầm chiếc cốc thủy tinh để trên bàn uống nước ném về phía T2 và T3 làm chiếc cốc bị vỡ và làm T2 bị chảy máu ở ngón tay cái bên phải. Thấy vậy, T3 liền chạy ra ngoài sân cầm một con dao vào đuổi S và D ra khỏi nhà, nên S và D bỏ chạy ra ngoài đường, nhặt đất đá ném vào trong nhà T2 rồi nhờ người khác chở về nhà còn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139, để lại tại sân nhà T2. Sau khi anh D và anh S về, T2 ra dắt chiếc xe mô tô vào cất giữ tại nhà bếp của T2 với mục đích chờ D và S đến lấy xe mô tô và xin lỗi thì sẽ trả lại chiếc xe. Đến trưa ngày 05/10/2022 anh S và anh D đến nhà T2 để xin lỗi và xin lại xe nhưng Lê Thị N không đồng ý trả lại cho anh D mà có lời nói và hành

động đe dọa yêu cầu anh S phải đưa cho vợ chồng N số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) thì vợ chồng N sẽ trả lại xe cho anh D, lý do N đưa ra là vì anh S không liên quan đến việc mua bán vườn trà giữa D và vợ chồng N nhưng tối ngày 04/10/2022, anh S lại đến nhà vợ chồng N gây chuyện, đập phá đồ đạc trong nhà nên anh S phải nộp phạt “Tiền ngu” cho T2 và N. Lê Văn T2 thấy yêu cầu của vợ mình là Lê Thị N rất hợp lý nên cũng đồng ý với N về việc trên và không chấp nhận lời xin lỗi của anh D và anh S mà tiếp tục giữ xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 trong nhà nhằm mục đích chờ anh S đưa đủ số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) thì mới trả lại chiếc xe. Thời gian sau đó anh D, chị Phạm Thị Lựu (vợ anh D) và anh S tiếp tục nhiều lần đến nhà Lê Văn T2 và Lê Thị N để xin lấy lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 nhưng do anh S đều không đưa tiền đến giao cho T2 và N nên T2 và N đã không trả lại xe mà tiếp tục buộc anh S phải đưa số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) với lý do như lần trước thì vợ chồng T2 và N mới cho lấy xe mô tô về.

Ngày 05/11/2022, Công an xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh nhận được đơn trình báo của anh Hoàng Công S và anh Đặng Đình D, nên đã đến vận động Lê Văn T2 và Lê Thị N trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2 - 1139 cho anh Đặng Đình D hoặc tự nguyện giao nộp cho Công an xã để giải quyết, tuy nhiên vợ chồng Lê Văn T2 và Lê Thị N không đồng ý trả lại chiếc xe cho anh D và không giao nộp lại chiếc xe của anh D cho Công an xã T. Tiếp đó vào sáng ngày 07/11/2022, Công an xã T tiếp tục vận động thì chiều cùng ngày, chị Lê Thị N đã tự nguyện giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 cho Công an xã T, đồng thời đề nghị khi Công an xã T trả lại xe mô tô cho anh D thì phải thu của anh Hoàng Công S số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để đưa cho vợ chồng Lê Văn T2 và Lê Thị N.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 được xác định chủ sở hữu là anh Đặng Đình D. Theo kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện K kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 tại thời điểm xảy ra vụ việc là 1.000.000 đồng

Vật chứng thu giữ, xử lý: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu DREAM màu nâu, biển kiểm soát 38F2-1139, số khung: 130298; số máy: 0130318, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu của Lê Thị N, nay đã trả lại cho chủ sở hữu anh Đặng Đình D.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT- VKSKA ngày 22 tháng 3 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Lê Thị N và Lê Văn T2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Lê thị N từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Lê Văn T2 từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị N và Lê Văn T2 về cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và gia đình trực tiếp giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Áp dụng hoãn 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, khoản 1, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, xử buộc Lê Thị N và Lê Văn T2 phải nộp mỗi bị cáo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/10/2022, anh Hoàng Công S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 của anh Đặng Đình D chở anh D đến nhà vợ chồng Lê Thị N và Lê Văn T2, ở thôn TX, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh để thống nhất lại về việc trước đó mua bán cây tràm. Quá trình nói chuyện xảy ra mâu thuẫn với nhau nên anh S và anh D để xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 lại rồi nhờ người khác chở về nhà. Sau đó Lê Thị N nói và thống nhất với Lê Văn T2 giữ xe mô tô lại để khi nào anh S, anh D sang thì yêu cầu phải đưa cho vợ chồng N và T2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mới trả xe mô tô. Trưa ngày 05/10/2022, anh S

và anh D đến nhà gặp và xin lỗi N và T2 về việc tối ngày 04/10/2022 hai bên xảy ra mâu thuẫn để xin lấy xe mô tô về nhưng N và T2 có lời nói và hành động đe dọa anh S và anh D buộc phải đưa cho N và T2 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) mới trả xe mô tô nhưng anh S không đưa. Sau nhiều lần anh S và anh D đến xin lại xe nhưng N và T2 vẫn không trả, cho đến chiều ngày 07/11/2022, Công an xã T vận động thì Lê Thị N mới giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 cho Công an xã T, đồng thời đề nghị nếu Công an xã T khi trả lại xe mô tô biển kiểm soát 38F2-1139 cho anh Đặng Đình D thì phải thu từ anh Hoàng Công S số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để đưa cho N và T2.

Hành vi của Lê Thị N và Lê Văn T2 đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này Lê Thị N là người khởi xướng, vừa là người thực hành tích cực, Lê Văn T2 đồng phạm với vai trò thực hành tích cực.

[3]. Tích chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường kỷ cương pháp luật Nhà nước, làm mất trật tự, trị an trên địa bàn khu dân cư.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T2 và bị cáo Lê Thị N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại Đặng Đình Diệu có đơn đề nghị xem xét cho Lê Văn T2 và Lê Thị N được hưởng án treo, hơn nữa chính quyền địa phương đề nghị xem xét cho Lê Văn T2 và Lê Thị N chấp hành cải tạo tại địa phương, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành chủ trương chính sách của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử cho các bị cáo được hưởng án treo, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục các bị cáo.

[4]. Đối với hành vi của Hoàng Công S dùng chiếc cốc thủy tinh ném làm đứt tay Lê Văn T2. Sau khi bị thương T2 không điều trị nên không có bệnh án, quá trình điều tra T2 không yêu cầu giám định về tổn hại sức khỏe và trên thực tế không để lại thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý đối với Hoàng Công S về hành vi Cố ý gây thương tích.

[5]. Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu DREAM màu nâu, biển kiểm soát 38F2-1139, số khung: 130298; số máy: 0130318, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu của Lê Thị N, nay đã trả lại cho chủ sở hữu anh Đặng Đình D, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Thị N và Lê Văn T2 đã tự nguyện bồi thường số tiền 3000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí đi lại cho anh Đặng Đình D và anh Hoàng Công S. Sau khi nhận được số tiền

trên anh D và anh S không có yêu cầu gì về mặt dân sự, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đối với Lê Thị N và Lê Văn T2 .

Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, khoản 1, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Tuyên bố bị cáo: Lê Thị N và Lê Văn T2 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt Lê Thị N 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Lê Văn T2 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị N và Lê Văn T2 về cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và gia đình trực tiếp giám sát và giáo dục, trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về án phí: Xử buộc Lê Thị N và Lê Văn T2 phải nộp mỗi bị cáo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PC10;
- Sở Tư pháp;
- CA huyện K;
- VKSND huyện K;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Hoàng

